

BIỂU SỐ 29/2019

THỐNG KÊ KIỂM SÁT TRÌNH TỰ THỦ TỤC XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

- **Dòng 1 (Số việc còn lại của kỳ trước):** Thống kê số việc VKS đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê trước nhưng Tòa án chưa giải quyết xong, chuyển sang kỳ thống kê này để giải quyết.

- **Dòng 2 (Số việc tạm đình chỉ được Tòa án tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê):** Thống kê số việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước và đưa vào giải quyết tiếp trong kỳ thống kê này vì đã hết lý do tạm đình chỉ.

Lưu ý: Số này không nằm trong số việc còn lại của kỳ trước vì đã có quyết định tạm đình chỉ.

- **Dòng 3 (Số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý):** Thống kê số việc VKS mới nhận được thông báo thụ lý của Tòa án trong kỳ thống kê (Điều 11 Pháp lệnh 09/2014/UBTVQH13).

(Dòng 3=Dòng 4+Dòng 5+Dòng 6)

- **Từ dòng 4 đến dòng 6:** Phân loại số việc VKS đã nhận được thông báo thụ lý bằng văn bản của Tòa án chuyển sang trong kỳ thống kê theo đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính cụ thể.

- **Dòng 7 (Số việc Tòa án gửi thông báo thụ lý cho VKS không đúng thời hạn):** Thống kê số việc VKS mới thụ lý trong kỳ thống kê và Tòa án gửi thông báo bằng văn bản cho VKS không đúng thời hạn (Điều 11 Pháp lệnh 09 trong kỳ thống kê).

- **Dòng 8 (Tổng số việc VKS thụ lý):** Thống kê tổng số việc VKS thụ lý kiểm sát trong kỳ thống kê, bao gồm: số việc cũ + số việc mới + Số việc tạm đình chỉ được Tòa án tiếp tục giải quyết trong kỳ thống kê.

(Dòng 8=Dòng 1+Dòng 2+Dòng 3)

- **Dòng 9 (Số việc Tòa án đã giải quyết):** Thống kê số việc Tòa án đã giải quyết xong ở cấp tố tụng này và Tòa án đã chuyển các quyết định đó sang VKS trong kỳ thống kê (hoặc VKS đã nắm được kết quả giải quyết việc đó trong kỳ thống kê do VKS tham gia phiên họp). Các quyết định bao gồm: QĐ đình chỉ, QĐ mở phiên họp xem xét, QĐ áp dụng hoặc không biện pháp xử lý hành chính.

- **Dòng 10 (Số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án ra quyết định đình chỉ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (khoản 1 điều 15 và điểm h khoản 2 điều 20 Pháp lệnh 09).

- **Dòng 11 (Số việc Tòa án đã mở phiên họp):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê (Tòa án đã ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính)

- **Dòng 12 (Tr. đó: Số việc KSV tham gia phiên họp):** Thống kê số việc Tòa án đã mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính và có kiểm sát viên tham gia phiên họp trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Số việc Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê (điểm h khoản 2 điều 20 Pháp lệnh 09).

(Dòng 13=Dòng 14+Dòng 15+Dòng 16).

- **Dòng 14, 15, 16:** Phân loại số việc Tòa án đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê theo từng biện pháp xử lý hành chính cụ thể

- **Dòng 17 (Số việc Tòa án ra quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số việc Tòa án quyết định không áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê (điểm h khoản 2 điều 20 Pháp lệnh 09).

- **Dòng 18 (Số việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** Thống kê số việc Tòa án đã ra quyết định tạm đình chỉ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 19 (Số việc Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả các việc Tòa án đã ra quyết định Tạm đình chỉ từ các kỳ thống kê trước cộng dồn lại đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê này và đến thời điểm kết thúc kỳ thống kê này, các vụ việc đó vẫn chưa được Tòa án đưa ra để giải quyết tiếp.

- **Dòng 20 (Số quyết định VKS đã kiểm sát):** Thống kê số quyết định của Tòa án đã chuyển sang VKS và VKS đã kiểm sát xong quyết định đó (có phiếu kiểm sát) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Số quyết định VKS phát hiện có vi phạm):** Thống kê số quyết định của Tòa án mà VKS đã kiểm sát và phát hiện có vi phạm về nội dung hoặc hình thức trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Số việc VKS kháng nghị):** Thống kê số việc VKS có kháng nghị đối với quyết định của Tòa án cùng cấp trong kỳ thống kê (khoản 2 điều 30 Pháp lệnh 09).

- **Dòng 23 (Số việc còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** Thống kê số việc mà VKS đã nhận được thông báo thụ lý nhưng Tòa án chưa giải quyết xong trong kỳ thống kê này và phải chuyển sang kỳ thống kê sau để giải quyết tiếp.

- **Dòng 24 (Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án trong quá trình xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án về những vi phạm của Tòa án trong kỳ thống kê (bản kiến nghị đã ban hành trong kỳ thống kê, còn vi phạm nêu trong bản kiến nghị có thể là vi phạm diễn ra trong kỳ hoặc có thể là vi phạm diễn ra từ kỳ trước; vi phạm có thể là về nội dung hoặc về hình thức).

- **Dòng 25 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đối với Tòa án đã có văn bản của Tòa án về việc chấp nhận kiến nghị.

- **Dòng 26 (Số bản kiến nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS đã được Tòa án trả lời bằng văn bản không chấp nhận kiến nghị, trong kỳ thống kê (kiến nghị có thể trong kỳ, có thể từ kỳ trước).

- **Dòng 27 (Số bản kiến nghị của VKS đối với các cơ quan khác):** Thống kê số bản kiến nghị của VKS về những vi phạm của các cơ quan khác trong quá trình kiểm sát xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong kỳ thống kê.